

Số: /KH-UBND

Lai Châu, ngày tháng 9 năm 2023

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Thực hiện Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030; Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KHCN&ĐMST) theo Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chiến lược phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 phù hợp với yêu cầu, thực tiễn của tỉnh.

- Phát huy tinh thần trách nhiệm; nâng cao nhận thức của cấp ủy, người đứng đầu các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và người dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của KHCN&ĐMST trong thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai Kế hoạch phải đồng bộ, kịp thời, phù hợp với định hướng, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và tình hình thực tiễn của tỉnh trong từng giai đoạn và đảm bảo tính khả thi trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Tăng cường đầu tư các nguồn lực để phát triển KHCN&ĐMST trên địa bàn tỉnh, phục vụ đắc lực và có hiệu quả cao cho việc thực hiện thành công các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2030, tạo tiềm lực bền vững giai đoạn phát triển tiếp theo.

- Phân công rõ trách nhiệm các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nội dung của Chiến lược. Các nhiệm vụ xác định phải có trọng tâm, lộ trình thực hiện cụ

thể và bảo đảm tính khả thi, hiệu quả nhằm đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, góp phần thắng lợi vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

II. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

1. Phát triển KH&CN&ĐMST đóng vai trò đột phá chiến lược trong giai đoạn mới; là động lực chính để thúc đẩy tăng trưởng, tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả; là nhân tố quyết định nâng cao năng lực cạnh tranh địa phương và doanh nghiệp; là nền tảng để chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; góp phần quan trọng nâng cao đời sống nhân dân, phát triển bền vững, đảm bảo quốc phòng, an ninh. Tăng cường ứng dụng KH&CN được xác định là 1 trong 10 nhiệm vụ trọng tâm trong quy hoạch của tỉnh Lai Châu đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045.

2. Phát triển đồng bộ, liên ngành, có trọng tâm, trọng điểm giữa các lĩnh vực khoa học và công nghệ. Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo trong tỉnh, trong đó lấy doanh nghiệp làm trung tâm, các tổ chức khoa học và công nghệ và trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh là chủ thể nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ, Nhà nước thực hiện định hướng, điều phối, kiến tạo môi trường thể chế, chính sách thuận lợi cho hoạt động hiệu quả của toàn hệ thống.

3. Kết hợp hài hòa, hiệu quả giữa phát triển năng lực nội sinh với tận dụng tối đa cơ hội, nguồn lực bên ngoài. Ưu tiên tiếp thu, tiếp nhận, làm chủ và ứng dụng nhanh chóng thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới và trong nước, đặc biệt là chủ động, tích cực tiếp cận và khai thác triệt để những cơ hội và thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ thiết thực và đem lại hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN; chú trọng hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tích cực, chủ động tiếp cận, vận dụng thành công những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào sản xuất, kinh doanh và phục vụ đời sống, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh tế - xã hội và đời sống xã hội.

- Đến năm 2030, KH&CN&ĐMST thực sự trở thành động lực tăng trưởng, góp phần đưa Lai Châu nằm trong nhóm các tỉnh phát triển trung bình của vùng Trung du và miền núi phía Bắc; góp phần phát triển toàn diện văn hóa, xã hội,

con người, bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

- Nâng cao đóng góp của KH&CN&ĐMST và tăng trưởng kinh tế thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, hoạt động đổi mới công nghệ. Thông qua yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) từng bước nâng tỷ trọng đóng góp của KH&CN đạt từ 37,6% trở lên vào tăng trưởng kinh tế vào năm 2030.

- Tăng dần tổng chi cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phấn đấu đạt 2% tổng chi ngân sách địa phương vào năm 2030.

- Đến năm 2030, 02 doanh nghiệp đạt tiêu chí doanh nghiệp KH&CN, 05 doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

- KH&CN&ĐMST góp phần quan trọng trong xây dựng, phát triển giá trị văn hóa, xã hội, con người của tỉnh; cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách phát triển của tỉnh. Xây dựng đội ngũ cán bộ KH&CN có trình độ ngày càng cao, tâm huyết, trung thực, tận tụy. Đến năm 2030, đạt 10 cán bộ nghiên cứu khoa học/1 vạn dân.

- KH&CN&ĐMST đóng vai trò quan trọng phát triển công nghiệp chế biến, góp phần quan trọng vào cơ cấu lại nền kinh tế của tỉnh. Đến năm 2030, tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt 40% trong tổng số doanh nghiệp.

IV. ĐỊNH HƯỚNG CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO ĐẾN NĂM 2030

1. Định hướng nhiệm vụ trọng tâm phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a. KH&CN&ĐMST tập trung phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh

- Quan tâm đầu tư xây dựng, phát triển tiềm lực KH&CN để từng bước đưa KH&CN trở thành động lực của sự tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh của tỉnh.

- Tiếp thu, ứng dụng công nghệ tiên tiến nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và sức cạnh tranh của doanh nghiệp; chủ động ứng dụng các giải pháp công nghệ để phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, bảo vệ môi trường, ứng phó với các thách thức từ dịch bệnh và biến đổi khí hậu; ứng dụng công nghệ vào phát triển sản phẩm chủ lực của địa phương, thực hiện chuyển đổi số trong doanh nghiệp.

b. Đổi mới và hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Triển khai đồng bộ, tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế chính sách, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ, góp phần đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Xây dựng cơ chế, chính sách kinh tế, tài chính khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia nghiên cứu phát triển và đổi mới sáng tạo. Đổi mới căn bản cơ chế quản lý ngân sách nhà nước chi cho KH&CN; phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm, phát triển doanh nghiệp KH&CN; phát triển thị trường KH&CN gắn với việc xây dựng cơ sở dữ liệu về KH&CN; tăng cường công tác bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc sản của địa phương.

c. Phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Tiếp tục củng cố, đầu tư đối với tổ chức KH&CN công lập hiện có trên địa bàn tỉnh theo hướng phù hợp với các định hướng ưu tiên về KH&CN&ĐMST, kinh tế - xã hội của tỉnh. Đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức KH&CN công lập trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng, bổ sung quy hoạch, kế hoạch đào tạo, đào tạo lại nhân lực KH&CN theo hướng bảo đảm chất lượng, đồng bộ, đủ về số lượng và cơ cấu ngành nghề chuyên môn đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, chuyên gia các lĩnh vực phù hợp với yêu cầu công nghiệp hóa, chuyển đổi số; thực hiện có hiệu quả chính sách thu hút, sử dụng và trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN; khuyến khích cán bộ KH&CN đi học tập nâng cao trình độ; chú trọng công tác tuyển dụng, bố trí, đánh giá và bổ nhiệm cán bộ KH&CN. Tập trung hình thành nguồn nhân lực KH&CN trong tỉnh và thu hút nguồn chuyên gia nước ngoài, chuyên gia là người Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia trong nước có trình độ và năng lực sáng tạo cao, phù hợp với yêu cầu công nghiệp hóa của tỉnh trong bối cảnh mới.

- Nghiên cứu đầu tư và khai thác có hiệu quả các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phòng thí nghiệm gắn với các lĩnh vực nghiên cứu ưu tiên; phát triển và nâng cao chất lượng của hệ thống thông tin KH&CN theo hướng chuyển đổi số.

d. Thúc đẩy hoạt động KH&CN&ĐMST trong doanh nghiệp và phát triển thị trường KH&CN

- Thúc đẩy hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Hình thành không gian làm việc chung hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới

sáng tạo trên cơ sở trụ sở, cơ sở vật chất có sẵn của Trung tâm Kiểm định và Phát triển khoa học, công nghệ. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa phát triển KH&CN; Khuyến khích, thu hút khu vực tư nhân và doanh nghiệp đầu tư cho KH&CN.

- Khuyến khích thành lập doanh nghiệp KH&CN; hỗ trợ doanh nghiệp thành lập Quỹ phát triển KH&CN, thành lập tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Khuyến khích doanh nghiệp thúc đẩy việc chuyển giao, ứng dụng các công nghệ tiên tiến cùng với nâng cao năng lực tiếp nhận và đổi mới công nghệ, năng lực quản trị doanh nghiệp, trình độ và kỹ năng nguồn nhân lực, triển khai chuyển đổi số, đổi mới quy trình sản xuất và mô hình kinh doanh của doanh nghiệp phù hợp với quá trình đổi mới công nghệ.

- Gia tăng số lượng, chất lượng và hiệu quả khai thác tài sản trí tuệ, chú trọng phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp cùng với việc tăng cường bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc xây dựng kịp thời tiêu chuẩn cơ sở đối với các công nghệ, sản phẩm mới, sản phẩm xuất khẩu, sản phẩm chủ lực của tỉnh đáp ứng yêu cầu của thị trường, bảo đảm phát triển tài sản trí tuệ và tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa là công cụ hữu hiệu thúc đẩy đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ mới.

2. Định hướng phát triển nghiên cứu khoa học

- Tiếp tục nghiên cứu những vấn đề kinh tế - xã hội, tổng kết thực tiễn, phát hiện những tiềm năng, nguồn lực và mô hình mới trong thực tiễn để tham mưu, tư vấn cung cấp luận cứ khoa học, lý giải những vấn đề thực tiễn đặt ra, dự báo tình hình và xu thế phát triển, làm cơ sở cho việc hoạch định các chủ trương, chính sách để lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực.

- Nghiên cứu xác định điều kiện, giải pháp, lộ trình đổi mới, chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế dựa vào KH&CN&ĐMST, kinh tế số để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

- Nghiên cứu cơ sở khoa học cho việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên; nghiên cứu nhận dạng bản chất, nguyên nhân, tác động của thiên tai, tương tác giữa tự nhiên - con người - xã hội, quá trình biến đổi khí hậu làm cơ sở khoa học cho việc đề xuất và thực hiện các giải pháp hạn chế, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu.

3. Định hướng phát triển, ứng dụng công nghệ

a. Công nghệ thông tin và truyền thông

- Thúc đẩy nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin và truyền thông, Internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, thực tế ảo, xây dựng và hình thành các cơ sở dữ liệu để làm nòng cốt thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, chính phủ số, xã hội số, tạo ra những sản phẩm, thiết bị và các tiện ích thông minh ứng dụng trong sản xuất, dịch vụ, kinh doanh, quản lý xã hội và đời sống.

b. Công nghệ sinh học

- Trong chăm sóc sức khỏe, chẩn đoán và điều trị bệnh; nghiên cứu phát triển nguồn thảo dược, sản xuất các loại thuốc, thực phẩm bảo vệ sức khỏe theo quy định về an toàn thực phẩm.

- Trong nông nghiệp, tập trung vào công nghệ sinh học để tạo các giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng cao, phù hợp với điều kiện sinh thái, biến đổi khí hậu ở Lai Châu; công nghệ sinh học giúp kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường trong trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ chế biến thức ăn chăn nuôi, thuốc sinh học phòng trừ sâu, bệnh, chế phẩm sinh học phục vụ sản xuất phân bón chức năng, phân bón vi sinh.

- Trong công nghiệp chế biến, tập trung vào nghiên cứu ứng dụng các chế phẩm sinh học phục vụ chế biến thực phẩm nhằm nâng cao giá trị gia tăng của nông sản hàng hóa.

- Trong bảo vệ môi trường, tập trung vào tận thu, tái chế phụ phẩm, xử lý ô nhiễm môi trường bằng công nghệ sinh học; bảo tồn, lưu giữ và khai thác hợp lý nguồn gen quý hiếm; bảo vệ đa dạng sinh học.

c. Công nghệ năng lượng, vật liệu và chế tạo - tự động hóa

- Tăng cường ứng dụng các công nghệ về năng lượng mới, năng lượng tái tạo, năng lượng thông minh; công nghệ tích trữ năng lượng tiên tiến, pin mặt trời; ứng dụng các giải pháp đảm bảo an toàn bức xạ và an toàn hạt nhân, đặc biệt là trong y tế, nông nghiệp, công nghiệp và môi trường.

- Ứng dụng công nghệ chế tạo các vật liệu mới tiên tiến phục vụ công nghiệp và xây dựng; các vật liệu tiên tiến phục vụ nông nghiệp như phân bón có kiểm soát, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, bao bì bảo quản thông minh, vật liệu cải tạo đất; vật liệu phân hủy sinh học giảm ô nhiễm môi trường như vật liệu phân hủy sinh học thay thế nhựa plastic, màng phân hủy sinh học; vật liệu tiên tiến phục vụ quốc phòng, an ninh như vật liệu siêu bền; vật liệu điện tử và quang tử trong các mô - đun, thiết bị của hệ thống viễn thông, kỹ thuật điện và tiết kiệm năng lượng, đặc biệt là vật liệu cáp quang.

- Tiếp thu, làm chủ và phát triển công nghệ chế tạo - tự động hóa tiên tiến, thông minh bao gồm công nghệ thiết kế, chế tạo thiết bị, dây chuyền đồng bộ trong thủy điện, khai thác và chế biến khoáng sản.

d. Công nghệ môi trường và phòng tránh thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

- Đẩy mạnh ứng dụng, làm chủ công nghệ sản xuất sạch, công nghệ thân thiện với môi trường, công nghệ xử lý nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, khí thải, công nghệ tái chế chất thải với tính năng, giá trị phù hợp với điều kiện của địa phương. Ứng dụng công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại tái chế chất thải, sử dụng bền vững tài nguyên và phục hồi môi trường.

- Ứng dụng, làm chủ công nghệ trong dự báo tác động của biến đổi khí hậu lên hệ thống tự nhiên và xã hội, công nghệ về giảm phát thải khí nhà kính, công nghệ trong nhận dạng, dự báo, cảnh báo các loại hình thiên tai, đặc biệt những loại hình thiên tai nguy hiểm ở những vùng có nguy cơ cao.

đ. Công nghệ vũ trụ

- Tăng cường năng lực quản lý tài nguyên và môi trường, giám sát và hỗ trợ giảm thiểu thiệt hại do thiên tai, bảo đảm quốc phòng, an ninh, cung cấp đa dạng dịch vụ cho người dân.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 3321/KH-UBND ngày 15/10/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về thực hiện Chiến lược phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ vũ trụ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

e. Công nghệ xây dựng, giao thông và hạ tầng tiên tiến, thông minh

- Chủ động ứng dụng, làm chủ các kỹ thuật cao xử lý nền móng, xói lở. Nghiên cứu, tiếp thu, làm chủ kỹ thuật và các công nghệ tiên tiến trong thiết kế, xây dựng các công trình hạ tầng, giao thông, thủy lợi, đô thị thông minh.

4. Định hướng hoạt động đổi mới sáng tạo

a. Hoạt động đổi mới sáng tạo trong ngành nông nghiệp

- Thu hút các doanh nghiệp lớn đầu tư vào công nghệ chọn tạo giống; công nghệ chăm sóc, theo dõi theo các tiêu chuẩn an toàn, truy xuất nguồn gốc, công nghệ bảo quản, công nghệ chế biến; đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, triển khai các mô hình canh tác tiên tiến hiệu quả.

- Tập trung nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ trong sản xuất, đổi mới với các lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong trồng trọt, chăn nuôi; nông nghiệp thông minh; nông nghiệp hữu cơ. Nghiên cứu, phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh, tạo vùng sản xuất hàng hóa nguyên liệu phục vụ chế biến, xuất khẩu và các sản phẩm OCOP. Đưa nhanh tiến bộ khoa

học - kỹ thuật vào sản xuất, trọng tâm là các giống có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, áp dụng các biện pháp canh tác tiên tiến.

- Tập trung ứng dụng các công nghệ sinh học, công nghệ thông tin và truyền thông, công nghệ tự động hóa để xây dựng nền nông nghiệp thông minh, an toàn, tuần hoàn, hiệu quả và bền vững, phát huy lợi thế của nền nông nghiệp nhiệt đới.

- Hình thành các hệ thống đổi mới sáng tạo ngành nông nghiệp gắn với các mô hình kinh tế nông nghiệp, các chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị ngành hàng, sản phẩm có giá trị kinh tế cao,... góp phần tích cực vào gắn kết giữa phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân.

b. Hoạt động đổi mới sáng tạo trong các ngành công nghiệp, xây dựng, giao thông

- Thúc đẩy quá trình tái cơ cấu với định hướng lấy KHCN&ĐMST là một trong những giải pháp có tính đột phá, đặc biệt trong bối cảnh của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Khuyến khích các doanh nghiệp lớn đầu tư mạnh mẽ vào đổi mới, hấp thụ và làm chủ công nghệ, đặc biệt là các công nghệ sản xuất và chế tạo thông minh, đổi mới mô hình quản lý, kinh doanh, đổi mới sản phẩm, từ đó vừa dẫn dắt làm lòng cốt vừa liên kết, tạo lập mạng lưới, thúc đẩy đổi mới sáng tạo với các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Thúc đẩy rộng rãi các hoạt động đổi mới dây chuyền, thiết bị, máy móc công nghệ, triển khai các hoạt động đào tạo về năng lực quản trị, khai thác công nghệ, cùng với áp dụng các mô hình kinh doanh mới, mô hình đổi mới sáng tạo.

c. Hoạt động đổi mới sáng tạo trong ngành dịch vụ

- Triển khai ứng dụng rộng rãi các nền tảng công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các mô hình kinh doanh mới trong các hoạt động dịch vụ, kinh doanh, dịch vụ công.

- Hỗ trợ đào tạo quản lý, quản trị công nghệ, cập nhật công nghệ mới, tư vấn lựa chọn công nghệ phù hợp, hỗ trợ đào tạo vận hành và áp dụng vào sản xuất kinh doanh. Hỗ trợ các doanh nghiệp kết nối, sử dụng chung hạ tầng và chia sẻ dữ liệu để tối đa hóa mô hình kinh doanh dựa trên nền tảng công nghệ.

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

1. Đổi mới cơ chế hoạt động KHCN&ĐMST, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về KHCN&ĐMST

- Rà soát, ban hành cơ chế, chính sách bảo đảm đồng bộ với các quy định pháp luật về KH&CN như: cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đổi

mới công nghệ; doanh nghiệp lập, quản lý, sử dụng Quỹ phát triển KH&CN; hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu, ứng dụng KH&CN và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; chính sách ưu tiên cho nghiên cứu, ứng dụng KH&CN vào trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp nông thôn (trước hết là giống, công nghệ sau thu hoạch, chế biến, bảo quản,...); cơ chế, chính sách cho phép các phòng thí nghiệm do nhà nước đầu tư được triển khai các dịch vụ để bù đắp chi phí và tái đầu tư nâng cấp thường xuyên; cơ chế ưu đãi thuế hàng năm cho doanh nghiệp theo doanh thu phát sinh thực tế từ các hoạt động trong danh mục hoạt động KH&CN&ĐMST...

- Nghiên cứu, đổi mới toàn diện hoạt động quản lý, triển khai các nhiệm vụ KH&CN các cấp theo hướng công khai, minh bạch, khách quan, đơn giản hóa thủ tục hành chính; chuyển đổi số quy trình quản lý, cơ sở dữ liệu các nguồn lực KH&CN&ĐMST, đổi mới chế độ quản lý tài chính, thanh quyết toán, chấp nhận nguyên tắc rủi ro và có độ trễ trong hoạt động KH&CN; tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN; rà soát, sửa đổi các quy định về quản lý nhiệm vụ KH&CN theo hướng tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc chuyển giao tài sản hình thành trong nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước.

- Tái cơ cấu các chương trình, nhiệm vụ KH&CN theo chuỗi giá trị của sản phẩm, tạo giá trị gia tăng. Tập trung phát triển sản phẩm địa phương dựa vào công nghệ mới, công nghệ cao để hình thành các ngành nghề mới và các sản phẩm mới, giá trị gia tăng cao, nhất là lĩnh vực mà Lai Châu có thế mạnh như nông nghiệp, khai thác và chế biến khoáng sản, chế biến... Hình thành một số dự án, chương trình KH&CN cấp tỉnh lớn trong một số lĩnh vực trọng điểm, có thế mạnh và có tiềm năng nhằm giải quyết những vấn đề đặc biệt quan trọng trong dài hạn để phát triển địa phương.

- Thống nhất quản lý nhà nước về KH&CN&ĐMST, thúc đẩy mạnh mẽ đổi mới sáng tạo gắn với KH&CN, nâng cao hiệu quả phối hợp đồng bộ trong xây dựng và thực thi các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển KH&CN&ĐMST; tinh gọn bộ máy, tập trung vào việc hoạch định cơ chế, chính sách và định hướng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ của cán bộ quản lý KH&CN&ĐMST ở các cấp.

- Đo lường và đánh giá hiệu quả hoạt động KH&CN&ĐMST của các cơ sở nghiên cứu khoa học, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp. Nghiên cứu đưa các chỉ tiêu phát triển KH&CN&ĐMST, trong đó có chỉ tiêu tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo vào nội dung chiến lược, kế hoạch, quy hoạch phát triển của địa phương.

2. Xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo

- Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh gắn chặt chẽ với các địa phương trong vùng và cả nước. Phát triển các hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ gắn với các chuỗi giá trị, các cụm liên kết ngành; trong đó các doanh nghiệp có vai trò trung tâm dẫn dắt các hoạt động đổi mới sáng tạo, các cơ quan quản lý nhà nước có vai trò kiến tạo môi trường thể chế, chính sách thuận lợi; thúc đẩy liên kết giữa các doanh nghiệp trong tỉnh với viện nghiên cứu, trường đại học ngoài tỉnh để thu hút sự hỗ trợ trong hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới sáng tạo.

- Nghiên cứu xây dựng trung tâm khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo của tỉnh đáp ứng yêu cầu triển khai các dịch vụ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và đầu tư nhằm thúc đẩy việc hình thành và phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh; đồng thời tăng cường liên kết các mạng lưới đổi mới sáng tạo, mạng lưới khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, các trung tâm đổi mới sáng tạo, các trung tâm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong và ngoài tỉnh.

- Hoàn thiện hệ thống tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và tăng cường đầu tư về nhân lực, tài chính, cơ sở hạ tầng cho các tổ chức KH&CN công lập trở thành đầu mối hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KHCN&ĐMST tại địa phương.

3. Thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho KH CN&ĐMST

- Phân bổ đầu tư 2% ngân sách của Tỉnh cho hoạt động KH&CN và tăng dần theo yêu cầu phát triển của sự nghiệp KH&CN. Đảm bảo các khoản chi đúng mục đích cho hoạt động KHCN&ĐMST.

- Nghiên cứu, rà soát tháo gỡ các rào cản, hạn chế, tạo thuận lợi tối đa để khuyến khích các doanh nghiệp thành lập quỹ phát triển KH&CN, sử dụng hiệu quả kinh phí của quỹ đầu tư cho hoạt động KHCN&ĐMST.

4. Phát triển cơ sở đào tạo chuyên nghiệp và các tổ chức KH&CN khác trên địa bàn tỉnh trở thành các chủ thể nghiên cứu mạnh

- Thực hiện có hiệu quả các quy định pháp luật về cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập. Nghiên cứu giao kinh phí cho tổ chức KH&CN lập dựa trên đánh giá định kỳ kết quả và hiệu quả hoạt động, gắn với thực hiện phương thức nhà nước đặt hàng, đấu thầu thực hiện nhiệm vụ KH&CN và cơ chế khoán kinh phí đến sản phẩm cuối cùng theo kết quả đầu ra; giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập trong xây dựng cơ cấu tổ chức, tuyển dụng, sử dụng nhân lực, sử dụng kinh phí, thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

- Sử dụng hợp lý cơ sở vật chất hiện có, quản lý, theo dõi, đánh giá chất lượng công tác nghiên cứu khoa học, hiệu quả giữa nghiên cứu khoa học - chất lượng đào tạo, quá trình chuyển đổi số làm cơ sở cho việc đề xuất thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học trong nhà trường.

5. Phát triển nguồn nhân lực KH&CN&ĐMST có trình độ và năng lực sáng tạo cao

Thực hiện chính sách đào tạo, thu hút cán bộ khoa học trẻ, cán bộ khoa học có trình độ chuyên môn cao; tổ chức cho cán bộ làm công tác khoa học của tỉnh đi học tập, nghiên cứu tại các viện, trường đại học,... trong và ngoài nước. Có chính sách khuyến khích, thúc đẩy gắn kết giữa các viện nghiên cứu, các trường đại học ở Trung ương tham gia nghiên cứu tại tỉnh Lai Châu với các doanh nghiệp, hợp tác xã để đưa nhanh kết quả nghiên cứu vào phục vụ sản xuất, kinh doanh.

Triển khai chính sách thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đến công tác và làm việc tại tỉnh. Thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch trong tuyển dụng, sử dụng và đãi ngộ nhân lực. Công tác giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phải gắn bó hữu cơ với chính sách tuyển dụng, sử dụng và đãi ngộ.

Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển nguồn nhân lực quản trị công nghệ và quản lý doanh nghiệp. Đẩy mạnh xã hội hóa và đa dạng hóa các chương trình đào tạo cho nhân lực quản trị công nghệ và quản lý cho doanh nghiệp ở các trình độ/cấp độ khác nhau. Đưa đào tạo kiến thức về quản lý và kinh tế, về đổi mới sáng tạo, về khởi nghiệp, về sở hữu trí tuệ, về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và năng suất vào các chương trình đào tạo cao đẳng, đào tạo nghề.

Thúc đẩy đổi mới sáng tạo thông qua hình thức giáo dục STEM (*khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học*). Tăng cường định hướng nghề nghiệp và tư vấn cho những học sinh có năng lực, sở thích tham gia nghiên cứu và theo học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật trong các trường phổ thông và trường chuyên nghiệp.

6. Phát triển và khai thác có hiệu quả hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Đa dạng nguồn vốn đầu tư trang thiết bị, máy móc cho KH&CN, từng bước hiện đại hóa đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, ứng dụng của tỉnh. Nghiên cứu phát triển các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tăng cường liên kết, phối hợp giữa khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với các vườn ươm, khu làm việc chung, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, phòng thí nghiệm trọng điểm,

phòng thí nghiệm chuyên ngành, cũng như gắn kết với phát triển hạ tầng, hệ sinh thái sống.

Tăng cường đầu tư kinh phí từ ngân sách nhà nước cho duy trì, bảo hành, bảo trì thiết bị, máy móc, đào tạo cán bộ kỹ thuật để vận hành các phòng thí nghiệm, trang thiết bị kỹ thuật do nhà nước đầu tư.

Tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực của hệ thống thông tin KHCN&ĐMST trên địa bàn tỉnh. Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về KHCN&ĐMST trên cơ sở xây dựng và vận hành các nền tảng số kết nối.

7. Thúc đẩy hoạt động KHCN&ĐMST trong doanh nghiệp

Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao khả năng tiếp cận thông tin công nghệ trong nước và quốc tế. Cung cấp các công cụ và dịch vụ phân tích thông tin sáng chế và dự báo xu hướng phát triển công nghệ để định hướng cho hoạt động KHCN&ĐMST. Thành lập Khu làm việc chung, thuận tiện, hiện đại phục vụ cho hoạt động khởi nghiệp sáng tạo nhằm xây dựng không gian làm việc chung, không gian làm việc sáng tạo; nâng cao năng lực cho tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; cung cấp dịch vụ cho các dự án khởi nghiệp sáng tạo; thu hút các chuyên gia, nhà đầu tư khởi nghiệp nhằm hỗ trợ cho hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Lai Châu.

Thúc đẩy hình thành và phát triển bộ phận nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong các doanh nghiệp; đẩy mạnh chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực KHCN&ĐMST.

Tập trung triển khai các giải pháp phát triển thị trường KH&CN, các giải pháp thúc đẩy đầu ra cho sản phẩm của doanh nghiệp. Tiếp tục hỗ trợ triển khai rộng rãi các công cụ và phương pháp quản lý tài sản trí tuệ, kịp thời ban hành các tiêu chuẩn mới ứng với công nghệ mới, đổi mới hoạt động hỗ trợ về hàng rào kỹ thuật (TBT) nhằm thúc đẩy hoạt động KH CN&ĐMST trong sản xuất, kinh doanh.

Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, triển khai các cơ chế, chính sách hình thành doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu và sử dụng các giải pháp công nghệ cao, công nghệ mới, chuyển đổi số của các doanh nghiệp trong nước thay cho nhập khẩu từ nước ngoài.

Tăng cường hỗ trợ hoạt động của các hội, hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm thúc đẩy liên kết các hoạt động KHCN&ĐMST giữa các doanh nghiệp. Xây dựng mạng lưới tư vấn viên tư vấn trực tiếp cho các doanh nghiệp về quản trị công nghệ và quản lý doanh nghiệp thông qua các hội, hiệp hội doanh nghiệp.

8. Đẩy mạnh hợp tác, hội nhập quốc tế về KH&CN&ĐMST

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về KH&CN, lựa chọn đối tác chiến lược, đổi mới nội dung hợp tác, ký kết các thỏa thuận song phương và đa phương; xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ nghiên cứu chung giải quyết các vấn đề cấp bách, phù hợp với điều kiện, nguồn lực và thế mạnh của tỉnh; hợp tác chuyển giao công nghệ phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; bố trí kinh phí thích đáng cho các nhiệm vụ hợp tác phục vụ cho các mục tiêu ưu tiên của tỉnh, thu hút nguồn kinh phí từ nước ngoài thông qua các dự án nghiên cứu tại tỉnh; thực hiện chính sách thu hút các chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia vào các chương trình, dự án nghiên cứu, đào tạo nhân lực KH&CN của tỉnh; triển khai các thỏa thuận hợp tác theo các nội dung đã ký kết; kết nối các tổ chức, doanh nghiệp trong tỉnh với các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài tham gia trình diễn ứng dụng công nghệ mới, có khả năng tiếp cận với thị trường của tỉnh, làm cơ sở cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có cơ hội trao đổi, giao lưu và phát triển KH&CN.

Đẩy mạnh hợp tác giữa tổ chức, doanh nghiệp trong tỉnh với các viện nghiên cứu, trường học ngoài tỉnh trong công tác nghiên cứu và chuyển giao công nghệ thúc đẩy nhanh việc ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất, kinh doanh, trong đó tập trung thúc đẩy, khuyến khích khu vực tư nhân và doanh nghiệp đầu tư cho KH&CN và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo một cách có trọng tâm, trọng điểm.

Tổ chức hoặc tổ chức đoàn tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế, triển lãm giới thiệu các thành tựu KH&CN mới, tiên tiến trong và ngoài nước.

Chú trọng khai thác, chuyển giao công nghệ từ các địa bàn có công nghệ nguồn để rút ngắn khoảng cách, nâng cao trình độ, năng lực KH&CN trong tỉnh.

9. Tăng cường các hoạt động tôn vinh, truyền thông, nâng cao nhận thức về KH&CN&ĐMST

Tăng cường các hoạt động tôn vinh đội ngũ tri thức tiêu biểu theo Quyết định số 994/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Khuyến khích, hỗ trợ thanh, thiếu niên nâng cao hiểu biết về KH&CN và định hướng nghề nghiệp vào lĩnh vực khoa học, kỹ thuật. Mở rộng, nâng cao chất lượng và tăng cường truyền thông, khuyến khích đầu tư xã hội cho các cuộc thi về KH&CN&ĐMST.

Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về KH&CN&ĐMST. Đa dạng hóa các loại hình truyền thông trên nền tảng số và mạng xã hội; đẩy mạnh

hoạt động truyền thông về doanh nghiệp có doanh thu tạo ra từ sản xuất - kinh doanh hình thành từ kết quả hoạt động KH&CN để nâng cao giá trị thương hiệu, tạo uy tín đối với người tiêu dùng, nâng cao lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp KH&CN và doanh nghiệp công nghệ cao. Đẩy mạnh truyền thông và hỗ trợ của nhà nước đối với các hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật của người dân.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ của Kế hoạch này được bảo đảm từ các nguồn: ngân sách nhà nước; vốn của các tổ chức, doanh nghiệp; tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch này thực hiện theo quy định Luật ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật liên quan.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố tổ chức tuyên truyền, quán triệt, triển khai thực hiện Kế hoạch này đến cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân. Trên cơ sở nhiệm vụ chủ yếu được phân công tại phụ lục kèm theo Kế hoạch này, yêu cầu các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố chủ động triển khai thực hiện; định kỳ hoặc đột xuất hằng năm báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Khoa học và Công nghệ*) về tình hình, kết quả thực hiện.

2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ, đột xuất tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của các đơn vị.

Trong quá trình triển khai kế hoạch, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Liên hiệp các Hội KHKT tỉnh;
- V, C;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, Vx2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tổng Thanh Hải